TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2022
V/v: "*Tranh chấp hôn nhân gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH P

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phùng Thị Kim Nguyên.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Phạm Minh Hoan
2. Ông Nguyễn Đức Khởi.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng thị Thúy Minh – Thư ký TAND huyện T , tỉnh P .
- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T , tỉnh P tham gia phiên toà: Ông Vũ Anh Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 31/8/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T , tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2022/TLST- HNGĐ ngày 28/3/2022 về "Tranh chấp Hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/07/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐHPTST-HNGĐ ngày 22/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị D** , sinh năm 1989;
Nơi ĐK HKTT: Khu 5, TT. H , huyện T , tỉnh P .
Nơi ở hiện nay: Khu 10, xã Đào Xá, huyện T , tỉnh P .(có mặt).
Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc L** , sinh năm 1981;
Địa chỉ: Khu 5, TT. H , huyện T , tỉnh P . (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ngày 23/3/2022 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Ngọc L ngày 22/03/2007 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H , huyện T , tỉnh P . Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ anh L tại khu 5, TT. H , huyện T , tỉnh P . Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Đến tháng 7 năm 2011 Chị D về nhà bố mẹ đẻ ở khu 10, xã Đào Xá, huyện T , tỉnh P . Hai bên đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể hàn gắn nên chị xin được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị D xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Cẩm Vân, sinh ngày 24/9/2007 và cháu Nguyễn Ngọc Gia Bảo, sinh ngày 20/2/2010. Từ nhỏ cho đến nay, 02 cháu vẫn ở với anh L và gia đình anh L. Hiện

cháu Vân đang học lớp 10 trường trung học phổ thông, thị Trấn H , huyện T , tỉnh P , cháu Bảo đang học lớp 7 trường trung học cơ sở, thị Trấn H , huyện T , tỉnh P . Hiện bản thân Chị D làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định, đang ở nhờ nhà bố, mẹ đẻ, nên không có khả năng nuôi 02 con chung. Khi ly hôn, Chị D đề nghị tòa án giao 02 con chung cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị cấp dưỡng nuôi 02 con chung cùng anh L mỗi một con là 1.000.000/tháng 02 con là 2.000.000/tháng.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị D xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Phía bị đơn anh Nguyễn Ngọc L : Hiện anh L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 5, TT. H , huyện T , tỉnh P . Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ đồng thời lấy lời khai của ông Nguyễn Ngọc Lai (bố đẻ anh L). Tại Biên bản xác minh thể hiện anh L có hộ khẩu thường trú tại khu 5, TT. H , huyện T , tỉnh P .

3. Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2022 ông Nguyễn Ngọc Lai (bố đẻ anh L) trình bày: Ông là bố đẻ anh L và là bố chồng chị Dung. Anh L chị D có đăng ký kết hôn ngày 22/03/2007, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H , huyện T , tỉnh P . Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn anh L và Chị D chung sống cùng gia đình ông. Và Chị D đăng ký hộ khẩu thường trú vào cùng hộ khẩu nhà ông tại khu 5,(ngô Quyền) TT. H , huyện T , tỉnh P . Cuộc sống vợ chồng anh L chị D hòa thuận hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do Chị D thường xuyên bỏ nhà đi không quan tâm gì đến chồng, con, cùng năm 2011 thì Chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại khu 10, xã Đào Xá, huyện T , tỉnh P ở từ đó cho đến nay và không quan tâm gì đến chồng con và gia đình nữa. Nhưng hàng năm Chị D vẫn đóng tiền học cho 02 con. Nay Chị D làm đơn ly hôn anh L, thì gia đình ông và anh L đều có quan điểm là đề nghị Tòa án giải quyết cho anh L và Chị D ly hôn.

Về con chung, anh L và Chị D có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Cẩm Vân, sinh ngày 24/9/2007 và cháu Nguyễn Ngọc Gia Bảo, sinh ngày 20/2/2010. Hiện cháu Vân đang học lớp 10 trường trung học phổ thông, thị Trấn H , huyện T , tỉnh P , cháu Bảo đang học lớp 7 trường trung học cơ sở, thị Trấn H , huyện T , tỉnh P . Từ nhỏ cho đến nay, 02 cháu vẫn ở với anh L và gia đình ông, kể cả từ năm 2011 Chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thì vẫn để 02 cháu cho vợ chồng ông và anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, 02 cháu có cuộc sống đảm bảo cả về thể chất lẫn tinh thần. Nếu anh L và Chị D ly hôn thì quan điểm của anh L và gia đình ông là đề nghị Tòa án giao 02 cháu cho anh L và gia đình ông trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu Chị D cấp dưỡng nuôi 02 cháu theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh L và Chị D không có gì.

Việc Chị D làm đơn xin ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết thì gia đình ông và anh L có biết. Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng như: (Thông báo thụ lý vụ án; thông về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; các giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, cho anh L đến Tòa án làm việc thì ông, và bà Phượng(vợ ông) đã nhận được đầy đủ và thông báo cho anh L biết, nhưng anh L đang đi làm ăn tại Hà

Nội, nên anh L chỉ về thăm gia đình và 02 con vào cuối tuần, nên không đến Tòa án làm việc được.

4. Qua xác minh tại ủy ban nhân dân TT. H ngày 11/7/2022 và ngà y 24/8/2022 thấy rằng anh L , Chị D có đăng ký kết hôn ngày 22/03/2007, đăng ký kết hôn tại UBNDTT H , huyện T , tỉnh P . Chị D sau khi kết hôn có nhập hộ khẩu và o cùng hộ khẩu gia đình của anh L thường trú tại khu 5,TT H , huyện T , tỉnh P và về chung sống cùng gia đình của anh L tại khu 5,TT H , huyện T , tỉnh P . Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2011 thì không hiểu lý do gì Chị D không ở nhà anh L nữa mà về nhà bố mẹ đẻ tại khu 10, xã Đào Xá, huyện T , tỉnh P ở. Từ thời gian đó đến nay địa phương không thấy Chị D về nhà anh L ở nữa. Nay Chị D xin ly hôn anh L, thì địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung, anh L và Chị D có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Cẩm Vân, sinh ngày 24/9/2007 và cháu Nguyễn Ngọc Gia Bảo, sinh ngày 20/2/2010. từ khi Chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thì 02 cháu vẫn ở cùng bố mẹ anh L,và anh L. Hiện 02 cháu đang học tại thị Trấn H , huyện T , tỉnh P . Nếu Chị D và anh L ly hôn địa phương đề nghị tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Việc Chị D làm đơn xin ly hôn anh L. Sau khi tòa án thụ lý và giải quyết. Tòa án đã cùng địa phương đến gia đình anh L gửi các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập …cho anh L đến Tòa án làm việc, khi đến nhà anh L thì ông Nguyễn Ngọc Lai (bố đẻ anh L) hoặc mẹ anh L là bà Nguyễn Thị Phượng đã nhận thay cho anh L, tất cả các giấy báo, các văn bản tố tụng trên và cam kết sẽ thông báo và chuyển đến tận tay anh L. Hiện anh L đang đi làm ăn tại Hà Nội, nên anh L chỉ về thăm gia đình và con vào cuối tuần, nên anh L có đến tòa làm việc hay không thì địa phương không nắm được. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật.

Ngày 22/8/2022, Tòa án nhân dân huyện T đã mở phiên tòa xét xử nhưng anh L vắng mặt không có lý do. Phiên tòa hôm nay anh L tiếp tục vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được xét xử theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng cũng như việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ của người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 điều 51, điều 56 Luật Hôn nhân gia đình: Đề nghị Tòa án ND huyện T xử cho Chị D được ly hôn anh L.

- Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 giao 2 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Gia Bảo, SN: 20/02/2010 và cháu Nguyễn Thị Cẩm Vân, SN: 24/9/2007 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung 1 triệu/1 cháu/ 1 tháng 02 con là 2.000.000/tháng. Chị D có quyền thăm nom, chăm sóc con không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Chị D xác định không có, không đề nghị giải quyết do vậy không giải quyết.

- Về án phí: khoản 4 Điều 147 BLTTDS, Luật phí và lệ phí Tòa án, điểm a, khoản 5; điểm a, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội Chị D phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" giữa chị Trần Thị D và anh Nguyễn Ngọc L . Cả nguyên đơn và bị đơn chị Trần Thị D và anh Nguyễn Ngọc L đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 5, TT. H , huyện T , tỉnh P nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh P .

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa Chị D và anh L là hoàn toàn hợp pháp, được UBND TT. H , huyện T , tỉnh P cho đăng ký kết hôn ngày 22/3/2007. Xét tình cảm vợ chồng giữa Chị D và anh L được tự nguyện tìm hiểu. sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống ở tại khu 5, TT. H , huyện T , tỉnh P . Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Đến tháng 7 năm 2021 Chị D về nhà bố mẹ đẻ ở khu 10, xã Đào Xá, huyện T , tỉnh P . Hai bên đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể hàn gắn nên chị xin được ly hôn anh L. Tòa án đã báo gọi nhiều lần, anh L có biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa Chị D và anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2022 ông Nguyễn Ngọc Lai (bố đẻ anh L) trình bày: Anh L chị D có đăng ký kết hôn ngày 22/03/2007, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H , huyện T , tỉnh P . Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn anh L và Chị D chung sống cùng gia đình ông. Cuộc sống vợ chồng anh L chị D hòa thuận hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do Chị D thường xuyên bỏ nhà đi không quan tâm gì đến chồng, con, cùng năm 2011 thì Chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại khu 10, xã Đào Xá, huyện T , tỉnh P ở từ đó cho đến nay và không quan tâm gì đến chồng con và gia đình nữa. Nay Chị D làm đơn ly hôn anh L, thì gia đình ông và anh L đều có quan điểm là đề nghị Tòa án giải quyết cho anh L và Chị D ly hôn.Tòa án đã gửi các giấy báo và các văn bản tố tụng cho anh L đến Tòa án làm việc thì ông và bà Phương(vợ ông) đã nhận được đầy đủ và thông báo cho anh L, nhưng anh L bận đi làm ăn tại Hà Nội nên không đến Tòa án làm việc được.

Ngày 11/7/2022 và ngày 24/8/2022 Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của Chị D và anh L được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị D và anh L có đăng ký kết hôn ngày 22/03/2007, đăng ký kết hôn tại UBNDTT H , huyện T , tỉnh P . Chị D sau khi kết hôn Chị D nhập hộ khẩu cùng hộ khẩu gia đình của anh L thường trú tại khu 5,TT H , huyện T , tỉnh P và về chung sống cùng gia đình anh L tại khu 5,TT H , huyện T , tỉnh P . Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2011 thì không hiểu lý do gì Chị D không ở nhà anh L nữa mà về nhà bố mẹ đẻ tại khu 10, xã Đào Xá, huyện T , tỉnh P ở. Từ thời gian đó đến nay địa phương không thấy Chị D về nhà anh L ở nữa. Nay Chị D xin ly hôn anh L, thì địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.Vì vậy, cần xử cho chị D được ly hôn anh L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Xét thấy Chị D và anh L có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Cẩm Vân, sinh ngày 24/9/2007 và cháu Nguyễn Ngọc Gia Bảo, sinh ngày 20/2/2010. Từ nhỏ cho đến nay, 02 cháu vẫn ở với anh L và gia đình anh L. Hiện cháu Vân đang học lớp 10 trường trung học phổ thông, thị Trấn H , huyện T , tỉnh P , cháu Bảo đang học lớp 7 trường trung học cơ sở, thị Trấn H , huyện T , tỉnh P . Hiện bản thân Chị D làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định, đang ở nhờ nhà bố, mẹ đẻ, nên không có khả năng nuôi 02 con chung. Khi ly hôn, Chị D đề nghị tòa án giao 02 con chung cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị cấp dưỡng nuôi 02 con chung cùng anh L mỗi một con 1.000.000/tháng 02 con là 2.000.000/tháng. Quan điểm của anh L và gia đình anh L có nguyện vọng xin được nuôi 02 cháu và yêu cầu Chị D cấp dưỡng nuôi 02 cháu theo quy định của pháp luật. Nguyện vọng của 02 cháu đều xin được ở với anh L. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của anh L và gia đình anh L cũng như nguyện vọng của hai cháu là hoàn toàn chính đáng và phù hợp, bởi lẽ: Tại lời khai của ông Nguyễn Ngọc Lai (bố đẻ anh L) và lời khai của Chị D đã xác nhận từ khi sinh ra 02 cháu vẫn ở với anh L và gia đình anh L. Đến tháng 7 năm 2011, Chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thì vẫn để 02 cháu cho anh L và gia đình anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hiện tại 02 cháu có cuộc sống ổn định, đảm bảo cả về thể chất lẫn tinh thần. Nên cần giao 02 con chung cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, và giáo dục là phù hợp.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D phải cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung cùng anh L mỗi con 1.000.000/tháng 02 con là 2.000.000/tháng, kể từ tháng 9/ 2022 đến khi 02 con chung thành niên và có khả năng lao động.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Tòa án không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

[7] Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D phải chịu theo quy định pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp và có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị D được ly hôn anh Nguyễn Ngọc L .

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Cẩm Vân, sinh ngày 24/9/2007 và cháu Nguyễn Ngọc Gia Bảo, sinh ngày 20/2/2010 cho anh Nguyễn Ngọc L trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, và giáo dục, đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Chị D phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung cùng anh L mỗi con 1.000.000/tháng 02 con là 2.000.000/tháng. kể từ tháng 9/ 2022 đến khi 02 con chung thành niên và có khả năng lao động. Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3,Về tài sản chung, công sức, công nợ, cho vay: Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4, Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0005640 ngày 23/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án, để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND H. T ;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBNDTT H ;
- Lưu HS - VP.

Phùng Thị Kim Nguyên

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.... giờ.....phút, ngày tháng năm 2020.
Tại phòng nghị án Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh P .

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Phùng Thị Kim Nguyên

Các hội thẩm nhân dân : 1, Ông Nguyễn Chí Thanh

2, Ông Trần Hữu Thọ

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số /2019/ TLST - HNGĐ ngày tháng năm về việc: "Hôn nhân và gia đình" giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu Mai - sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn An Hòa, xã Tản Lĩnh, huyện Ba vì, TP. Hà Nội. (có mặt)

***Bị đơn*:** Anh Trần Văn Kiên - sinh năm 1982;

Địa chỉ: Khu 2, xã Lam Sơn, huyện T , tỉnh P . (vắng mặt) *Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật*

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

I. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 51,khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

+ Kết quả biểu quyết: 3/3

II. Về nội dung:

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Lê Thị Thu Mai được ly hôn anh Trần Văn Kiên.

2. Về con chung: giao 02 con chung là cháu Trần Chiến Thắng, sinh ngày 08/6/2007 và cháu Trần Thị Thu Trang, sinh ngày 20/6/2009 cho chị Lê Thị Thu Mai trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, và giáo dục đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh Kiên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Mai vì chị Mai tự nguyện không yêu cầu. Anh Kiên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Biểu quyết: 3/3=100%

***4, Về án phí ly hôn sơ thẩm* :** Chị Lê Thị Thu Mai phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Mai đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0002590 ngày 14/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Biểu quyết: 3/3=100%

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày tháng năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
	Phùng thị Kim Nguyên